

Số: 1214 /QĐ-UBND

Nam Định, ngày 28 tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**V/v công bố chuẩn hóa danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực
tài nguyên nước thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp
và Môi trường, UBND cấp huyện**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;
Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính
phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính
phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ
tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của
Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 642/QĐ-BNNMT ngày 03/4/2025 của Bộ Nông
nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực tài
nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và
Môi trường;*

*Căn cứ Quyết định số 15/2025/QĐ-UBND ngày 19/02/2025 của UBND
tỉnh Nam Định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của
Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Nam Định;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số
1733/TTr-SNNMT ngày 23/4/2025 về việc công bố chuẩn hoá danh mục thủ tục
hành chính lĩnh vực tài nguyên nước thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông
nghiệp và Môi trường, UBND cấp huyện.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này chuẩn hóa danh mục 25 thủ tục
hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở
Nông nghiệp và Môi trường, UBND cấp huyện (có Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu xây dựng quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính đối với các thủ tục hành chính đã được công bố tại Quyết định này theo quy định.

Bãi bỏ Quyết định số 1515/QĐ-UBND ngày 22/7/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Nam Định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Nam Định; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- VPCP (Cục KSTTHC);
- Cổng TTĐT tỉnh; Trang TTĐT VPUBND tỉnh;
- Lưu: VP1, TT. 

CHỦ TỊCH



Phạm Đình Nghị

Phụ lục
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CHUẨN HÓA TRONG LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC THUỘC
THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG, UBND CẤP HUYỆN
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 4 năm 2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định)

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
I	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG				
1	Tạm dừng hiệu lực giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước	* Thời hạn giải quyết: 23 ngày - Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ. - Thời hạn thẩm định hồ sơ: Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm thẩm định hồ sơ. - Thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ. Thời gian thẩm định sau khi hồ sơ được bổ sung hoàn chỉnh là 6 ngày làm việc.	Trung tâm Phục vụ hành chính công, KSTTHC và XTĐT tỉnh	Không quy định	- Luật Tài nguyên nước ngày 27/11/2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ.
2	Trả lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	* Thời hạn giải quyết: 08 ngày làm việc - Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ. - Thời hạn thẩm định hồ sơ: Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, phê duyệt quyết định chấp thuận trả lại giấy phép.	Trung tâm Phục vụ hành chính công, KSTTHC và XTĐT tỉnh	Không quy định	

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
3	Đăng ký sử dụng mặt nước, đào hồ, ao, sông, suối, kênh, mương, rạch	14 ngày	Bộ phận Một cửa UBND cấp xã hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công, KSTTHC và XTĐT tỉnh	Không quy định	- Luật Tài nguyên nước ngày 27/11/2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ.
4	Lấy ý kiến về phương án bổ sung nhân tạo nước dưới đất	30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công, KSTTHC và XTĐT tỉnh	Không quy định	
5	Lấy ý kiến về kết quả vận hành thử nghiệm bổ sung nhân tạo nước dưới đất	30 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công, KSTTHC và XTĐT tỉnh	Không quy định	
6	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình cấp cho sinh hoạt đã đi vào vận hành và được cấp giấy phép khai thác tài nguyên nước nhưng chưa được phê duyệt tiền cấp quyền	* Thời hạn giải quyết: 26 ngày - Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ. - Thời hạn thẩm định: Trong thời hạn 21 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm tổ chức thẩm định hồ sơ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công, KSTTHC và XTĐT tỉnh	Không quy định	- Luật Tài nguyên nước ngày 27/11/2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ.
7	Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 3.000 m ³ / ngày đêm	* Thời hạn giải quyết: 45 ngày - Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ. - Thời hạn thẩm định đề án: Trong thời hạn 42 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Nông nghiệp	Trung tâm Phục vụ hành chính công, KSTTHC và XTĐT tỉnh	Theo quy định tại Nghị quyết 46/2017/NQ-HĐND	

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		và Môi trường có trách nhiệm thẩm định đề án. - Thời gian bổ sung, hoàn thiện đề án không tính vào thời gian thẩm định đề án. Thời gian thẩm định sau khi đề án được bổ sung hoàn chỉnh là 24 ngày.		ngày 10/7/2017	phủ; - Nghị quyết số 46/2017/NQ-HĐND ngày 10/7/2017 của HĐND tỉnh Nam Định.
8	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 3.000 m3/ngày đêm	* Thời hạn giải quyết: 38 ngày - Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ. - Thời hạn thẩm định báo cáo: Trong thời hạn 35 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm thẩm định báo cáo. - Thời gian bổ sung, hoàn thiện báo cáo không tính vào thời gian thẩm định báo cáo. Thời gian thẩm định sau khi báo cáo được bổ sung hoàn chỉnh là 24 ngày.	Trung tâm Phục vụ hành chính công, KSTTHC và XTĐT tỉnh	Theo quy định tại Nghị quyết 46/2017/NQ-HĐND ngày 10/7/2017	
9	Cấp giấy phép khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 3.000 m3/ngày đêm	* Thời hạn giải quyết: 45 ngày - Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ. - Thời hạn thẩm định báo cáo: Trong thời hạn 42 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm thẩm định báo cáo. - Thời gian bổ sung, hoàn thiện báo cáo không tính vào thời gian thẩm định báo cáo. Thời gian thẩm định sau khi báo cáo được bổ sung hoàn chỉnh là 24 ngày.	Trung tâm Phục vụ hành chính công, KSTTHC và XTĐT tỉnh	Theo quy định tại Nghị quyết 46/2017/NQ-HĐND ngày 10/7/2017	
10	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 3.000 m3/ngày đêm	* Thời hạn giải quyết: 38 ngày - Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ. - Thời hạn thẩm định báo cáo: Trong thời hạn 35	Trung tâm Phục vụ hành chính công, KSTTHC và XTĐT tỉnh	Theo quy định tại Nghị quyết 46/2017/N	- Luật Tài nguyên nước ngày 27/11/2023; - Nghị định số

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	ngày đêm	ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm thẩm định báo cáo. - Thời gian bổ sung, hoàn thiện báo cáo không tính vào thời gian thẩm định báo cáo. Thời gian thẩm định sau khi báo cáo được bổ sung hoàn chỉnh là 24 ngày.		Q-HĐND ngày 10/7/2017	54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ; Nghị quyết 46/2017/NQ-HĐND ngày 10/7/2017 của HĐND tỉnh Nam Định.
11	Cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	* Thời hạn giải quyết: 24 ngày - Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ. - Thời hạn thẩm định hồ sơ: Trong thời hạn không quá 21 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm gửi thông báo nộp phí thẩm định cho tổ chức, cá nhân và thẩm định hồ sơ, cấp giấy phép. - Thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, kiểm tra thực tế không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ. Thời gian thẩm định sau khi hồ sơ được bổ sung hoàn chỉnh là 14 ngày.	Trung tâm Phục vụ hành chính công, KSTTHC và XTĐT tỉnh	Theo quy định tại Nghị quyết 46/2017/NQ-HĐND ngày 10/7/2017	
12	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	* Thời hạn giải quyết: 17 ngày - Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ. - Thời hạn thẩm định hồ sơ: Trong thời hạn không quá 14 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm gửi thông báo nộp phí thẩm định cho tổ chức, cá nhân và thẩm định hồ sơ gia hạn, điều chỉnh giấy phép cho tổ chức, cá nhân. - Thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, kiểm tra thực tế không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công, KSTTHC và XTĐT tỉnh	Theo quy định tại Nghị quyết 46/2017/NQ-HĐND ngày 10/7/2017	- Luật Tài nguyên nước ngày 27/11/2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ; - Nghị quyết 46/2017/NQ-HĐND ngày 10/7/2017 của HĐND tỉnh Nam Định.

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		Thời gian thẩm định sau khi hồ sơ được bổ sung hoàn chỉnh là 05 ngày làm việc.			
13	Cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	* Thời hạn giải quyết: 08 ngày làm việc - Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ. - Thời hạn thẩm định hồ sơ: Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, cấp lại giấy phép.	Trung tâm Phục vụ hành chính công, KSTTHC và XTĐT tỉnh	Theo quy định tại Nghị quyết 46/2017/NQ-HĐND ngày 10/7/2017	
14	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình chưa vận hành	* Thời hạn giải quyết: 26 ngày - Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ. - Thời hạn thẩm định: Trong thời hạn 21 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm tổ chức thẩm định hồ sơ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công, KSTTHC và XTĐT tỉnh	Không quy định	
15	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình đã vận hành	Theo thời gian giải quyết của hồ sơ đề nghị cấp, gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác tài nguyên nước, trong đó: - 45 ngày (trường hợp nộp cùng với hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác tài nguyên nước); - 38 ngày (trường hợp nộp cùng hồ sơ đề nghị gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác tài nguyên nước);	Trung tâm Phục vụ hành chính công, KSTTHC và XTĐT tỉnh	Không quy định	- Luật Tài nguyên nước ngày 27/11/2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ.
16	Điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	21 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công, KSTTHC và XTĐT tỉnh	Không quy định	

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
17	Đăng ký khai thác, sử dụng nước mặt, nước biển	- Thời hạn giải quyết: 14 ngày. - Riêng với trường hợp công trình khai thác nước là hồ chứa, đập dâng thời hạn giải quyết thủ tục hành chính trong vòng 28 ngày.	Trung tâm Phục vụ hành chính công, KSTTHC và XTĐT tỉnh	Không quy định	
18	Cấp giấy phép khai thác nước mặt, nước biển (đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024	* Thời hạn giải quyết: 45 ngày - Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ. - Thời hạn thẩm định đề án: Trong thời hạn 42 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm thẩm định đề án. - Thời gian bổ sung, hoàn thiện đề án không tính vào thời gian thẩm định đề án. Thời gian thẩm định sau khi đề án được bổ sung hoàn chỉnh là 24 ngày.	Trung tâm Phục vụ hành chính công, KSTTHC và XTĐT tỉnh	Theo quy định tại Nghị quyết 46/2017/NQ-HĐND ngày 10/7/2017	- Luật Tài nguyên nước ngày 27/11/2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ;
19	Gia hạn điều chỉnh giấy phép khai thác nước mặt, nước biển	* Thời hạn giải quyết: 38 ngày - Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ. - Thời hạn thẩm định đề án: Trong thời hạn 35 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm thẩm định đề án. - Thời gian bổ sung, hoàn thiện đề án không tính vào thời gian thẩm định đề án. Thời gian thẩm định sau khi đề án được bổ sung hoàn chỉnh là 24 ngày.	Trung tâm Phục vụ hành chính công, KSTTHC và XTĐT tỉnh	Theo quy định tại Nghị quyết 46/2017/NQ-HĐND ngày 10/7/2017	- Nghị quyết 46/2017/NQ-HĐND ngày 10/7/2017 của HĐND tỉnh Nam Định
20	Trả lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước	* Thời hạn giải quyết: 23 ngày - Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ. - Thời hạn thẩm định hồ sơ: Trong thời hạn 20	Trung tâm Phục vụ hành chính công, KSTTHC và XTĐT tỉnh	Không quy định	- Luật Tài nguyên nước ngày 27/11/2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm thẩm định hồ sơ. - Thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ. Thời gian thẩm định sau khi hồ sơ được bổ sung hoàn chỉnh là 6 ngày làm việc.			16/5/2024 của Chính phủ.
21	Cấp lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước	* Thời hạn giải quyết: 17 ngày - Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ. - Thời hạn thẩm định hồ sơ: Trong thời hạn 14 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm thẩm định hồ sơ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công, KSTTHC và XTĐT tỉnh	Theo quy định tại Nghị quyết 46/2017/NQ-HĐND ngày 10/7/2017	- Luật Tài nguyên nước ngày 27/11/2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ; - Nghị quyết 46/2017/NQ-HĐND ngày 10/7/2017 của HĐND tỉnh Nam Định
22	Thẩm định, phê duyệt phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước của hồ chứa thủy điện	* Thời hạn giải quyết: 49 ngày - Thời hạn kiểm tra hồ sơ: trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ. - Thời hạn thẩm định hồ sơ: trong thời hạn 42 ngày, kể từ ngày nhận được phương án đạt yêu cầu quy định, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm lấy ý kiến của Sở Công thương, UBND cấp huyện nơi có hồ chứa, các cơ quan, đơn vị có liên quan; nếu cần thiết thì tiến hành tổ chức kiểm tra thực địa, trình UBND tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định phương án cấm mốc giới	Trung tâm Phục vụ hành chính công, KSTTHC và XTĐT tỉnh	Không quy định	- Luật Tài nguyên nước ngày 27/11/2023; - Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ.

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		hành lang bảo vệ nguồn nước của hồ chứa.			
23	Lấy ý kiến đại diện cộng đồng dân cư và tổ chức, cá nhân (đối với trường hợp cơ quan tổ chức lấy ý kiến là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	56 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công, KSTTHC và XTĐT tỉnh	Tổ chức, cá nhân đầu tư dự án chi trả	
II	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP HUYỆN				
1	Đăng ký, khai thác sử dụng nước dưới đất	14 ngày	Bộ phận Một cửa UBND cấp xã hoặc Bộ phận Một cửa UBND cấp huyện	Không quy định	- Luật Tài nguyên nước ngày 27/11/2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ.
2	Lấy ý kiến đại diện cộng đồng dân cư và tổ chức, cá nhân (đối với trường hợp cơ quan tổ chức lấy ý kiến là Ủy ban nhân dân cấp huyện)	42 ngày	Bộ phận Một cửa UBND cấp xã hoặc Bộ phận Một cửa UBND cấp huyện	Tổ chức, cá nhân đầu tư dự án chi trả	